|  |  |
| --- | --- |
| **NHÓM V1.1 – KHTN** |  |

**CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG**

**BÀI 14: PHÂN LOẠI THẾ GIỚI SỐNG**

Môn học: KHTN - Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống

- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được 5 giới của thế giới sống. Lấy được ví dụ cho mỗi giới.

- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

- Lấy được ví dụ chứng minh sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của sinh vật.

- Nhận biết được tên địa phương và tên khoa học của sinh vật.

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh để tìm hiểu về các giới sinh vật.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm về đặc điểm các giới sinh vật, các bậc phân loại từ thấp đến cao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá được mức độ đa dạng của một số môi trường sống của sinh vật.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Năng lực nhận thức sinh học: Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống; nhận biết được 5 giới của thế giới sống. Lấy được ví dụ cho mỗi giới; phân biệt được các nhóm theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

- Năng lực tìm hiểu tự nhiên: Tìm hiểu các loài sinh vật trong một số môi trường sống tự nhiên.

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Phân biệt được tên khoa học, tên địa phương. Nhận thức về các bậc phân loại, từ đó xác định được các loài có họ hàng thân thuộc hay không thân thuộc.

**3. Phẩm chất**

Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm chỉ, chịu khó trong việc quan sát các sinh vật thuộc các giới khác nhau.

- Trung thực, cẩn thận trong sự quan sát các đặc điểm cấu tạo của sinh vật, quan sát môi trường sống của sinh vật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Hình ảnh người cổ đại, người hiện đại

- Hình ảnh năm giới sinh vật và một số sinh vật của 5 giới

- Bảng tên sinh vật 5 giới

- Sơ đồ bậc phân loại từ thấp đến cao.

- Hình ảnh một số môi trường sống của sinh vật.- Bảng mức độ đa dạng số lượng loài ở các môi trường sống khác nhau.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút sự chú ý của học sinh. Kiểm tra sự hiểu biết của học sinh về phân loại thế giới sống, mối quan hệ họ hàng giữa các loài sinh vật.

**b) Nội dung:** Kể tên được các sinh vật có tại địa phương và phân chia thành các nhóm, có nêu tiêu chí phân loại.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS: Kể tên được các sinh vật có tại địa phương và phân chia thành các nhóm, có nêu tiêu chí phân loại.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS nêu tên các sinh vật có tại địa phương và phân chia thành các nhóm, có nêu tiêu chí phân loại.

- Lưu ý có thể hướng dẫn HS chia 2 nhóm. Ngoài ra, GV có thể hỏi thêm HS về mối quan hệ giữa các loài sinh vật: những loài nào có quan hệ gần gũi?

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Vì sao cần phân loại thế giới sống?**

**a) Mục tiêu:** Nêu được ý nghĩa của việc phân loại thế giới sống.

**b) Nội dung:** Phân loại thế giới sống có ý nghĩa như thế nào?

**c) Sản phẩm:** Học sinh nêu được ý nghĩa của việc phân loại thế giới sống: Phân loại thế giới sống giúp cho việc gọi tên sinh vật và xác định mối quan hệ họ hàng giữa các nhóm sinh vật với nhau được thuận lợi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong phần I sách giáo khoa, quan sát hình 14.1 và 14.2, nêu ý nghĩa của việc phân loại thế giới sống. Đặt câu hỏi: Nếu không phân loại các sinh vật thì sao? Sinh vật được phân chia thành những nhóm nào?

**Hoạt động 2.2: Thế giới sống được chia thành các giới**

**a) Mục tiêu:**

- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được 5 giới của thế giới sống. Lấy được ví dụ cho mỗi giới.

- Dựa vào sơ đồ, phân biệt các nhóm theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

**b) Nội dung:**

- Quan sát hình 14.1, nêu được tên sinh vật trong mỗi giới.

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giới** | **Tên sinh vật** |
| 1 | Giới Khởi sinh | Vi khuẩn, vi khuẩn lam |
| 2 | Giới Nguyên sinh | Trùng roi, rong, trùng biến hình, tảo lục đơn bào, trùng giày |
| 3 | Giới Nấm | Nấm bụng dê, nấm sò |
| 4 | Giới Thực vật | Hướng dương, dương xỉ, rêu, sen, thông… |
| 5 | Giới Động vật | Voi, rùa, chim, cá, mực, chuồn chuồn, ếch |

- HS nêu được các bậc phân loại của thế giới sống từ thấp đến cao: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

- HS gọi tên được các bậc phân loại của hoa li và hổ đông dương:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loài** | **Chi** | **Họ** | **Bộ** | **Lớp** | **Ngành** | **Giới** |
| Hoa li | Loa kèn | Bách hợp | Hành | Một lá mầm | Hạt kín | Thực vật |
| Hổ đông dương | Báo | Mèo | Ăn thịt | Thú | Dây sống | Động vật |

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giới thiệu khái niệm giới: Giới trong sinh học là đơn vị phân loại lớn nhất, bao gồm các ngành sinh vật có chung những đặc điểm nhất định. Có nhiều quan niệm phân giới sinh vật khác nhau, nhưng quan điểm được chấp nhận nhiều hiện nay là theo R. Whittaker (1969), thế giới sống được chia thành 5 giới: Giới Khởi sinh, Giới Nguyên sinh, Giới Nấm, Giới Thực vật, Giới Động vật.

- Yêu cầu HS quan sát sơ đồ hệ thống 5 giới trong hình 14.3. liệt kê các sinh vật thuộc mỗi giới vào bảng 14.1.

- Ngoài ra, GV yêu cầu HS lấy thêm các ví dụ khác thuộc các giới sinh vật.

- GV yêu cầu học sinh quan sát hình 14.5, nêu các bậc phân loại của thế giới sống từ thấp đến cao. Gọi tên các bậc phân loại của cây hoa li và con hổ đông dương.

**Hoạt động 2.3: Sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của sinh vật**

**a) Mục tiêu:** Lấy được ví dụ chứng minh sự đa dạng về số lượng loài và môi trường sống của sinh vật.

**b) Nội dung:** Học sinh kể một số loại môi trường sống và tên các sinh vật có trong môi trường sống đó.

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Môi trường** | **Tên sinh vật** |
| 1 | Môi trường trên cạn | Cây cam, con hổ… |
| 2 | Môi trường nước | Cá, tôm, cua |
| 3 | Môi trường đất | Giun đất |
| 4 | Môi trường sinh vật | Giun đũa, sán, chấy, rận… |

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Gv yêu cầu HS đọc thông tin trang 86,87 SGK, quan sát hình 14.6 đến 14.9 nêu tên các loại môi trường sống, kể tên một số sinh vật có trong mỗi loại môi trường.

- GV lưu ý học sinh trong mỗi môi trường đó có thể chia nhỏ thành các loại môi trường, khu vực sống nhỏ hơn. Ví dụ: môi trường nước có thể phân ra thành ao, hồ, sông, suối, biển… Mỗi loại môi trường có độ đa dạng sinh vật khác nhau.

- Học sinh thảo luận, báo cáo kết quả.

**Hoạt động 2.4: Sinh vật được gọi tên như thế nào**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được tên địa phương và tên khoa học của sinh vật.

**b) Nội dung:** Học sinh nêu được một số ví dụ về tên thường gọi: cây bưởi, hoa hồng, mèo mun, mèo tam thể,… . Học sinh phân biệt được tên thường gọi và tên khoa học:

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên địa phương** | **Tên khoa học** |
| 1 | Cây táo | *Ziziphus mauritiana* |
| 2 | Con mèo rừng | *Prionailurus bengalensis* |

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên hỏi HS về các ví dụ tên địa phương của một số loài mà em biết: cây táo, mèo tam thể…, cách gọi đó đã chính xác chưa, tên loài có trùng với tên địa phương không?

- Yêu cầu HS quan sát hình 14.10 và 14.11, mô tả đặc điểm của tên khoa học: tên khoa học gồm 2 từ được viết in nghiêng, từ thứ nhất viết hoa chữ cái đầu, là tên loài, từ thứ hai viết thường, là tên chi. Ví dụ Cây táo *Ziziphus mauritiana* (tên chi là *Ziziphus*; Tên loài là *Ziziphus mauritiana*)

- GV có thể giới thiệu tên khoa học của một số loài khác.

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức phân loại thế giới sống, làm một số bài tập.

**b) Nội dung:** HS nhận xét được mức độ đa dạng loài ở một số môi trường sống khác nhau

**c) Sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môi trường sống** | **Tên sinh vật** | **Mức độ đa dạng số lượng loài** |
| Rừng nhiệt đới | Hổ, báo, cây gỗ lớn, nai, hươu… | Đa dạng cao |
| Sa mạc | Xương rồng, thằn lằn… | Đa dạng thấp |
| Rặng san hô | San hô, cá, tảo, tôm… | Đa dạng cao |

**d) Tổ chức thực hiện:**

HS làm cá nhân, báo cáo kết quả theo nhóm.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức bài học vào xử lý các tình huống thực tiễn.

**b) Nội dung:** Học sinh phân loại được các loài động vật vào các lớp, ngành.

**c) Sản phẩm**:

- Chuồn chuồn: ngành chân khớp, lớp sâu bọ

- Dơi: lớp thú

- Đại bàng: lớp chim

- Cá voi, cá heo: lớp thú

- Cá thu: lớp cá

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thảo luận, quan sát các đặc điểm hình thái và phân loại động vật